TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ - ST
Ngày 16-02-2023
"V/v: Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Văn Tiến

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tú và ông Hoàng Văn Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Thủy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022, về việc: Ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bàn Thị M, sinh năm 1999
Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh H (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Chẩu Văn Ch, sinh năm 1999
Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh T (vắng mặt, đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2022, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Bàn Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Bàn Thị M và anh Chẩu Văn Ch qua tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn năm 2020, được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Lâm Bình theo giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 15/9/2020. Sau khi kết hôn anh chị cùng nhau đi làm công nhân, thuê phòng trọ chung sống tại tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 5 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng nghi ngờ ghen tuông. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng đều không đạt kết quả. Đến tháng 6 năm 2022 anh chị ly thân nhau và kể từ khi ly

thân vợ chồng đã không có sự quan tâm đối với nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn trầm trọng, chị Bàn Thị M đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Chẩu Văn Ch.

- Về con chung: Không có, không đề nghị.

- Về tài sản chung: Không có, không đề nghị.

- Về nợ chung: Không có, không đề nghị.

Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Chẩu Văn Ch đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án (mặc dù đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng). Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bàn Thị M vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, chị M giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án và không thay đổi, bổ sung gì.

Tòa án đã tiến hành làm việc, xác minh đối với ông Chẩu Văn S (là bố đẻ của anh Ch), ông Chẩu Văn H – Công an viên thôn N, xã Kvà Công an xã K, xác định anh Chẩu Văn Ch có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã K, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, tuy nhiên thực tế hiện nay anh Chung đã đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình và địa phương, ông S chỉ biết anh Ch làm việc tại tỉnh Bắc Ninh và không biết cụ thể địa chỉ tạm trú cũng như khi nào anh Ch mới trở về nơi cư trú. Ông S xác nhận có nhận được văn bản của Tòa án thay cho anh Ch và đã thông báo cho anh Ch biết (thông báo qua điện thoại di động) nhưng anh Ch thông tin lại là không nhất trí đến Tòa án để giải quyết. Ông S nhất trí tiếp tục nhận các văn bản tố tụng của Tòa án thay cho anh Ch và cam kết sẽ thông tin đầy đủ nội dung các văn bản cho anh Ch biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị M, cho chị Bàn Thị M được ly hôn anh Chẩu Văn Ch; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đều không có, không đề cập xem xét. Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Chung không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bàn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình giải quyết việc ly hôn đối với anh Chẩu Văn Ch; Anh Chẩu Văn Ch có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã K, huyện L, tỉnh T. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc *"Ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình.

Theo cung cấp của Công an xã K, huyện L, tỉnh T và ông Chẩu Văn S (bố đẻ anh Chung) thì anh Chẩu Văn Ch có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã K, huyện L, tỉnh T, sống cùng gia đình bố mẹ đẻ và do ông Chẩu Văn S làm chủ hộ. Anh Ch đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ tạm trú hoặc nơi làm việc. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Ch đến Tòa án để làm việc nhưng anh Ch vắng mặt không có lý do, xác định đây là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bàn Thị M vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Chẩu Văn Ch vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng), Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bàn Thị M và anh Chẩu Văn Ch là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn chị M và anh Ch chung sống tại thôn N, xã K, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 5 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, xảy ra nhiều cãi vã, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống và đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không đạt được kết quả, chị M xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Chẩu Văn Ch.

Qua điều tra xác minh xác định thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh Ch đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; thể hiện tại các Biên bản xác minh ngày 10/01/2023 (BL 48, 49) thấy rằng mâu thuẫn giữa chị M và anh Ch được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay và kể từ khi ly thân, giữa anh chị không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa, do vậy giữa anh chị không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bàn Thị M, cho chị M được ly hôn anh Chẩu Văn Ch.

[2.2] Về con chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Bàn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Chẩu Văn Ch không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị M.

1. Về Hôn nhân: Cho chị Bàn Thị M được ly hôn anh Chẩu Văn Ch.

2. Về án phí: Chị Bàn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^{đ} *(ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000^{đ} *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0001563 ngày 16/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình (chị M đã nộp đủ tiền án phí). Anh Chẩu Văn Ch không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện*
- *Chi cục THA Dân sự;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã K (nơi ĐKKH);*
- *Lưu HS, VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Dương Văn Tiến